

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyên

Bà Trần Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2001; nơi thường trú: thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 2003; nơi thường trú: thôn X, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/3/2024 tại UBND xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại gia đình anh T tại thôn X, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương, vợ chồng chị làm việc ở Thái Nguyên thỉnh thoảng vẫn về nhà. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị không chung thủy, thường xuyên xúc phạm chị và gia đình chị. Chị mang thai và bị sảy thai nhưng anh T lại nhấn tin chửi bới chị. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 5/2024, chị về nhà bố mẹ ở thôn DT, xã L (nay là xã P), huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian vợ

chồng ly thân, anh T cũng không còn quan tâm đến chị. Tháng 7/2024, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn để cho anh T có cơ hội sửa chữa. Tuy nhiên, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành giao, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh T nhưng anh T không đến làm việc, không có quan điểm về việc chị N xin ly hôn.

Kết quả xác minh tại UBND xã S, đại diện địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn vào tháng 3 năm 2024 tại UBND xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị N ở cùng bà ngoại anh T là bà Nguyễn Thị M ở thôn X, xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khoảng một tháng sau, cán bộ địa phương xuống làm việc với chị N để yêu cầu chị N phải nhập khẩu về địa phương thì bà M cung cấp, sau khi cưới được nửa tháng, vợ chồng anh T không ở cùng nhau nữa mà chị N bỏ về gia đình chị N. Từ đó đến nay, chị N không về chung sống với anh T. Địa phương không nhận được yêu cầu, đề nghị hòa giải từ chị N hay anh T nên không biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn hay không.

Bà Nguyễn Thị R là mẹ đẻ chị N cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N về ở cùng nhà bà ngoại anh T được mấy ngày thì ra Thái Nguyên làm. Sau đó, do chị N có thai nên xin phép gia đình anh T về nhà bà đẻ dưỡng thai, tiện cho việc chăm sóc, thời điểm đó vào cuối tháng 4/2024. Trong thời gian sinh sống ở nhà bà, con gái thứ hai của bà biết việc chị N và anh T gọi điện, nhắn tin cãi chửi nhau qua điện thoại nên nói cho bà biết. Bà hỏi chị N lý do làm sao thì chị N nói anh T nghi ngờ chị N không chung thủy. Anh T còn cài định vị máy điện thoại của chị N, cho rằng chị N đi nhà nghỉ với người khác, từ đó dẫn đến việc vợ chồng chị N thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Vợ chồng bà cũng đã khuyên giải anh chị nhưng không có kết quả. Có một lần bà M mang sữa cho chị N, một lần muốn đón chị N về, anh T cũng có lần đón nhưng chị N không về. Anh T có những lời lẽ chửi rủa, ảnh hưởng đến tinh thần chị N. Hiện nay, chị N vẫn ở cùng gia đình bà, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị N xin ly hôn, quan điểm của gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh T.

Bà Nguyễn Thị M là bà ngoại anh T cung cấp: Do anh T ở với bà từ trước khi lấy chị N nên sau khi kết hôn, anh chị về sống cùng bà. Anh chị chỉ chung sống với nhau được khoảng một tháng thì chị N bị dọa sảy thai, anh T xin phép cho chị N về nhà bố mẹ chị N ở thôn C, xã L (nay là xã P), huyện G, tỉnh Hải Dương để dưỡng thai. Tuy nhiên, sau đó chị N bị sảy thai hay tự đi phá thai như

thể nào cũng không thông báo cho gia đình bà biết. Gia đình bà và anh T lên nhà chị N đón về nhưng chị N không về, cũng không nói lý do vì sao lại không về. Từ đó đến nay, chị N không về nhà bà lần nào, bà không biết giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn như thế nào. Bà không thấy anh chị xô xát hay đánh cãi chửi nhau. Trước đây, bà biết chị N có đơn ly hôn anh T. Thời gian gần đây, Tòa án gửi thông báo việc chị N xin ly hôn, bà cũng nói chuyện với anh T thì anh T nói không muốn bỏ vợ. Quan điểm của gia đình bà nếu chị N quay về thì gia đình bà vẫn đón nhận, đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N. Về hôn nhân: Xử cho chị N ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N, có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Trần Văn T được triệu tập hợp lệ lần hai đến phiên toà mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Văn T kết hôn vào ngày 21/3/2024, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh T không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Chị N đã làm đơn ly hôn một lần, sau đó rút đơn nhưng anh chị vẫn không về chung sống với nhau. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn anh T không đến Tòa án thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên

căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị N ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích N ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/24, số 0000570 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Phạm Trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh